



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP The Golden Group

Ngày 31/03/2025	2,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0%

DT thuần Q1/25
111
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 35.8 47.6%
YoY: ▼ 54.0 -32.7%

LN thuần Q1/25
-4.40
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 1.75 -66.1%
YoY: ▲ 10.6 70.7%

LN sau thuế Q1/25
-2.34
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.47 16.9%
YoY: ▲ 12.7 84.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
-2.1%
YoY: +/- ▼ 1.0%

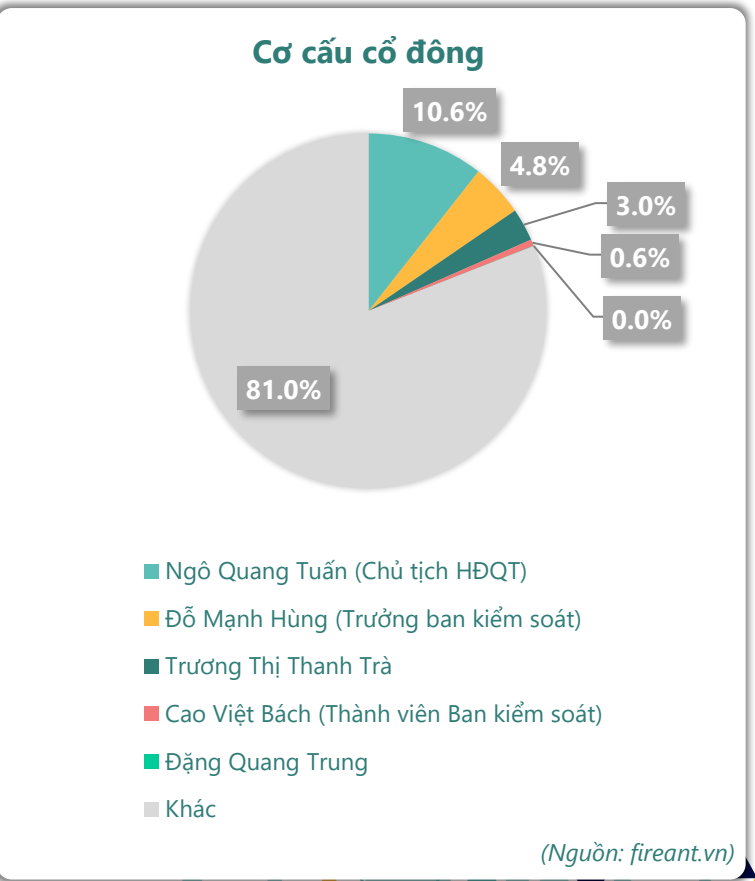
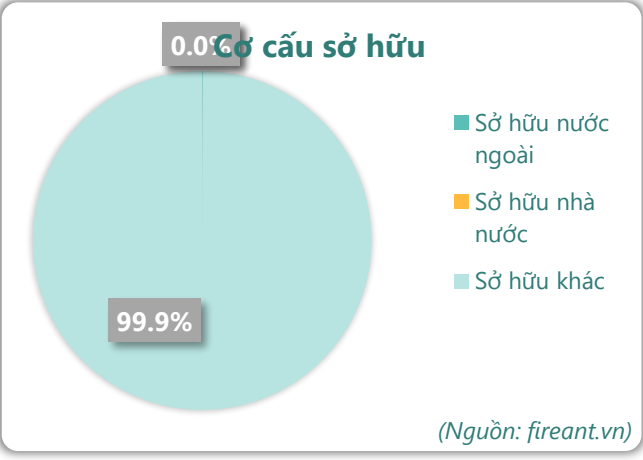
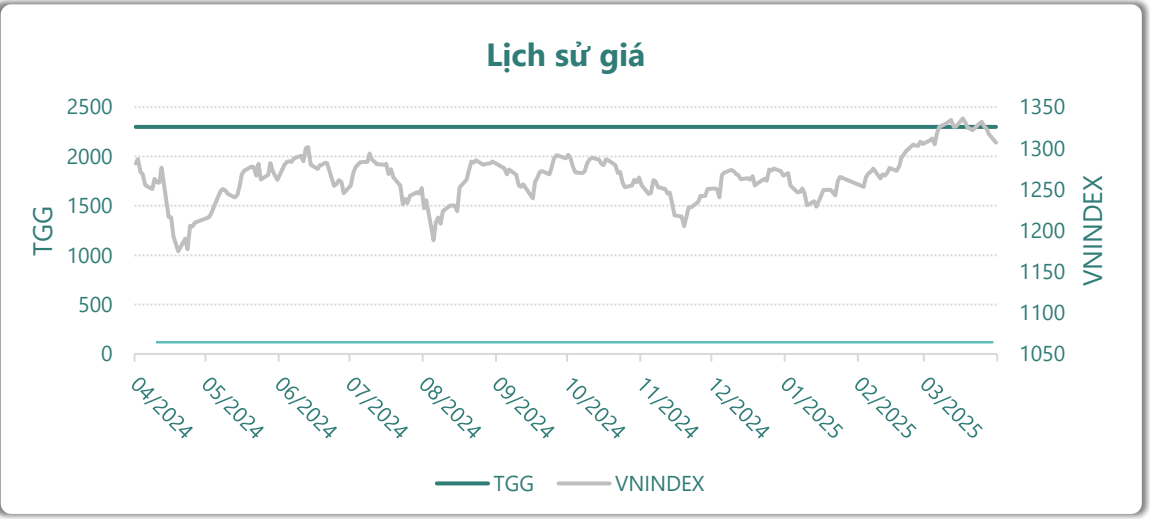
ROE (TTM) Q1/25
-4.0%
YoY: +/- ▲ 2.5%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,300 - 2,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	63
Số lượng CPLH (CP)	27,299,990
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	-
EPS	-194
P/E	-11.9

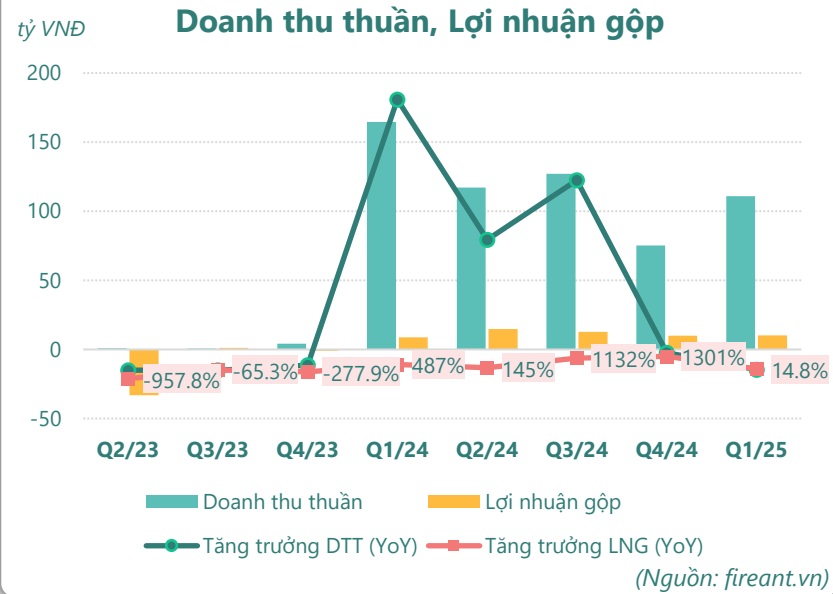
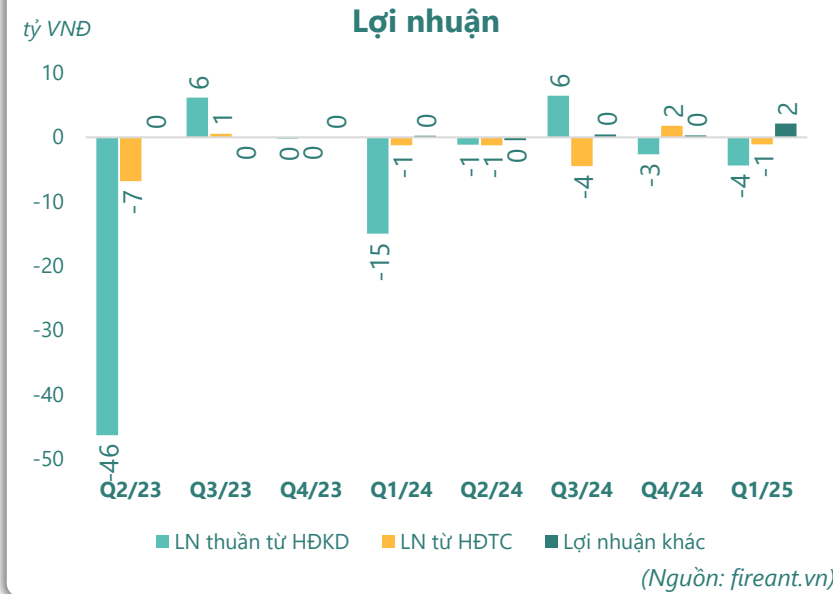
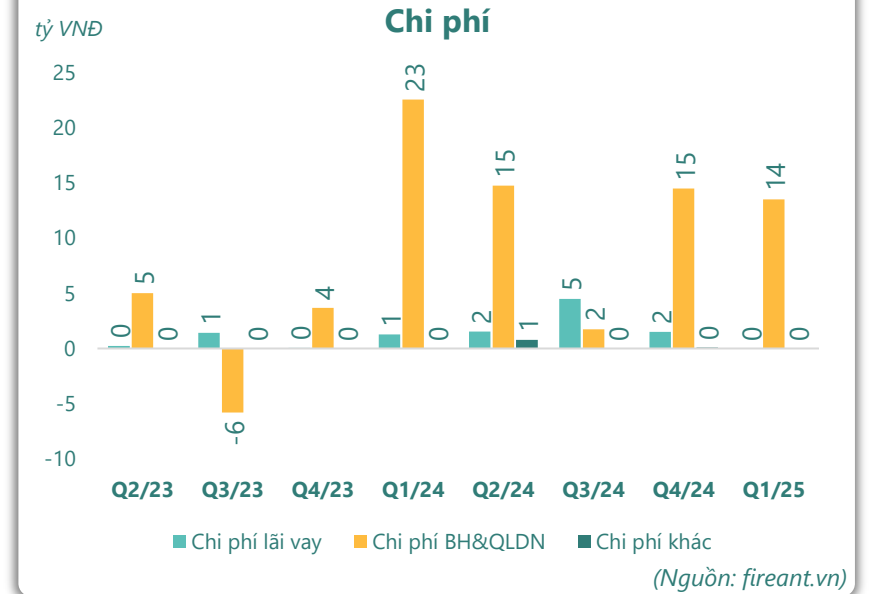
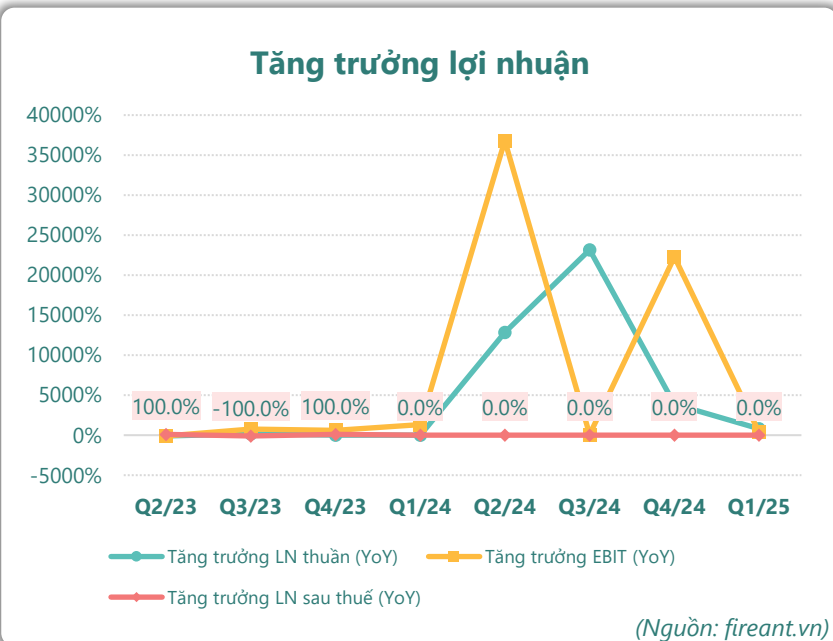
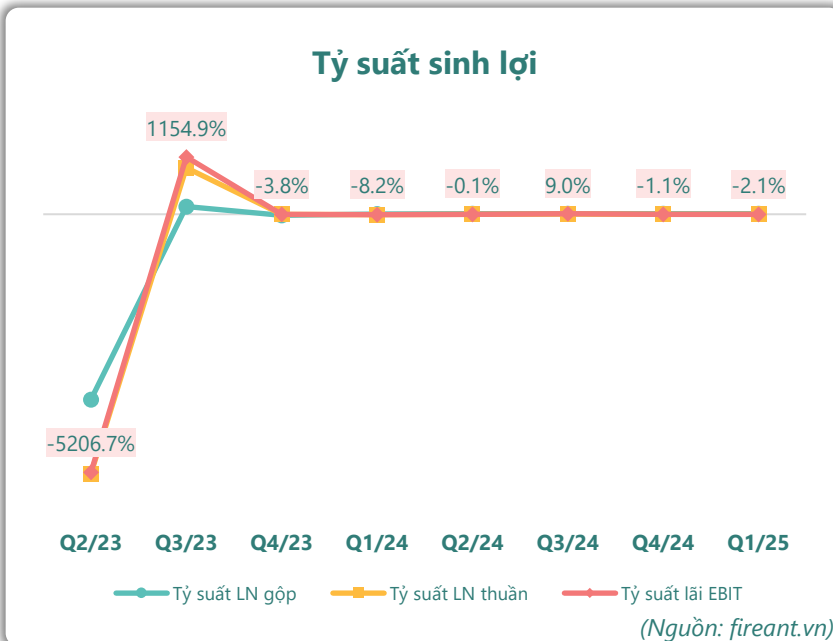
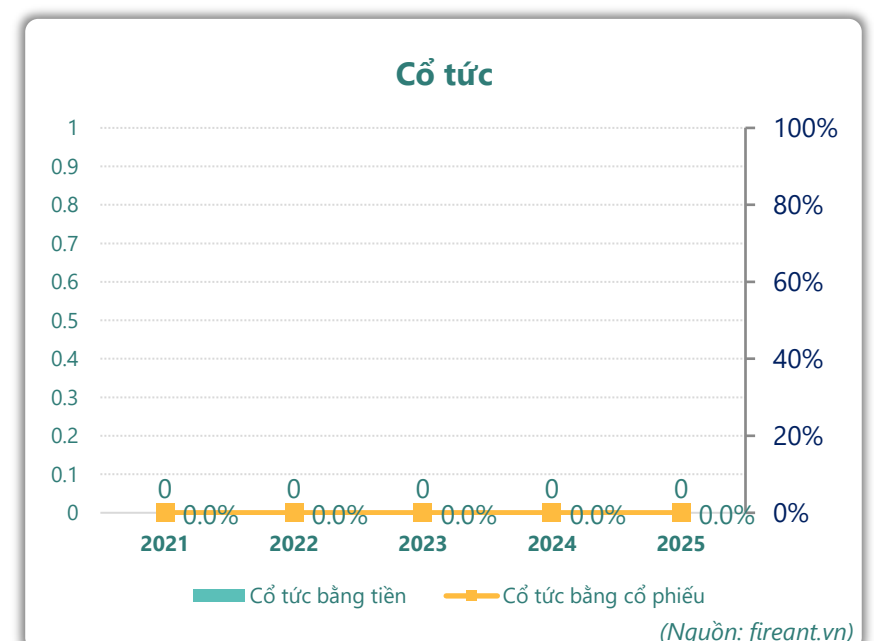
DT thuần 2024
484
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 478 7456%

LN thuần 2024
-12.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 55.1 81.7%

LN sau thuế 2024
-13.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 55.2 79.9%



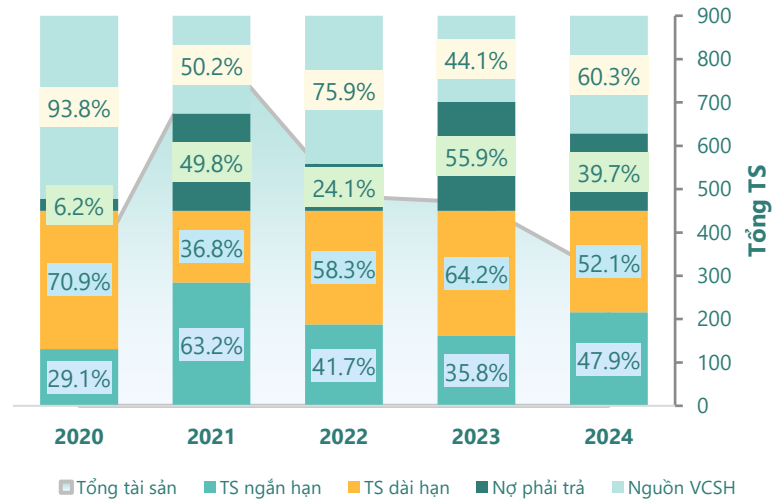
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

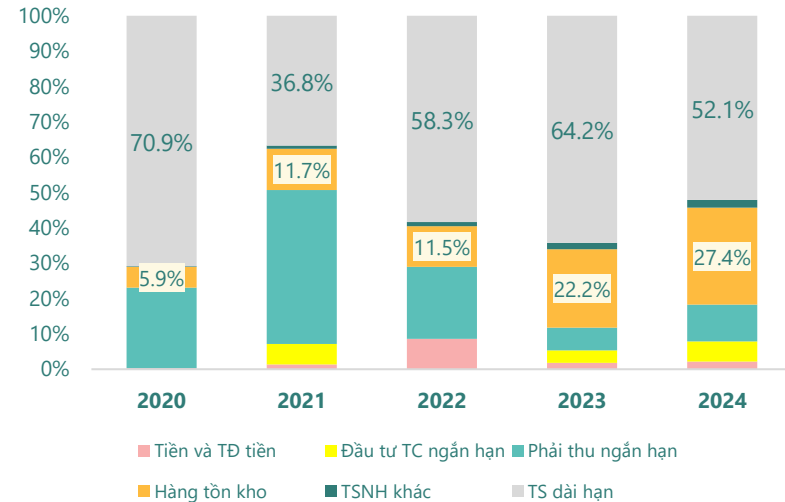
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

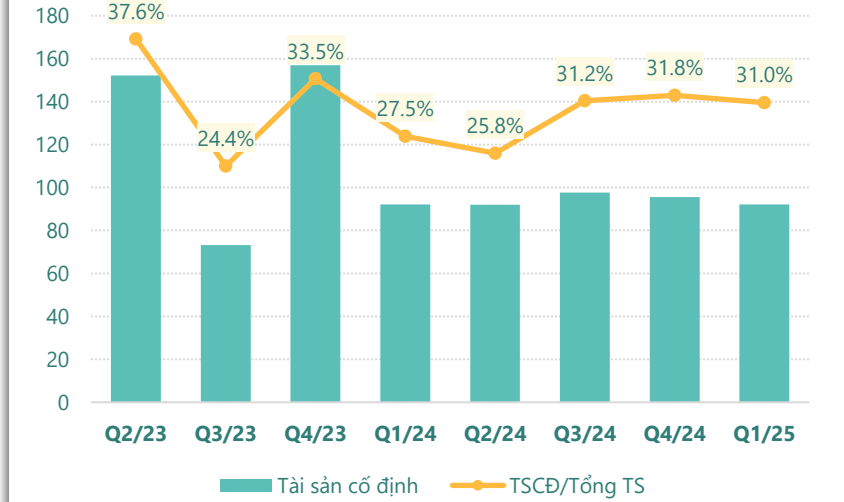
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

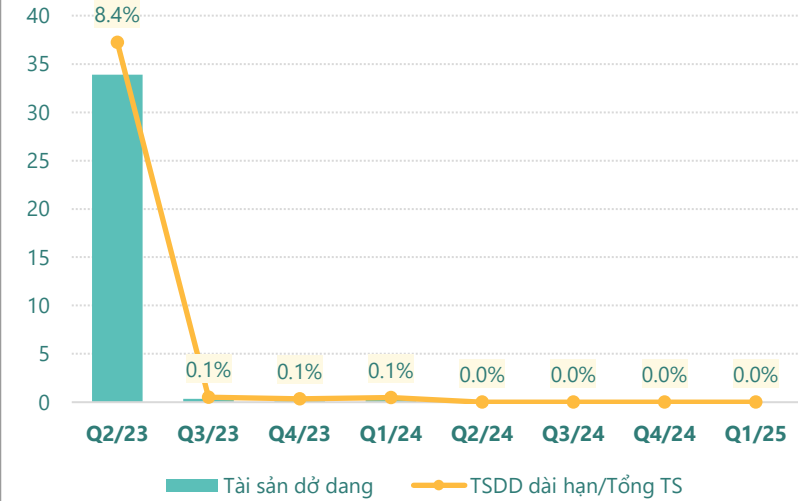
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

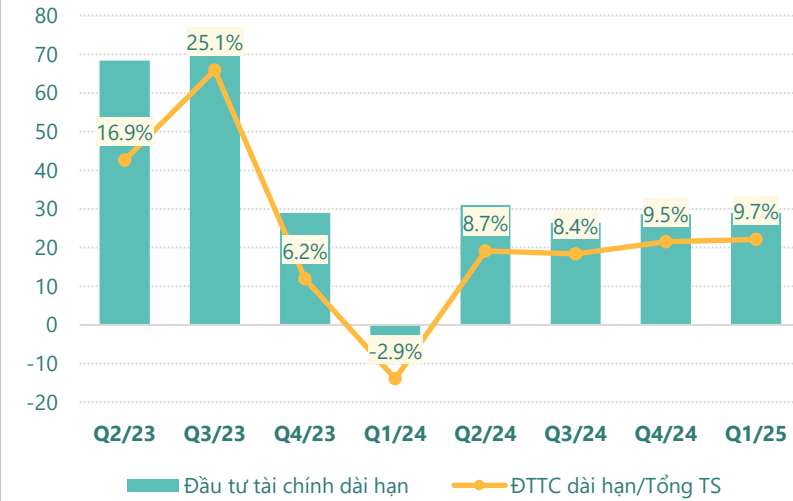
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

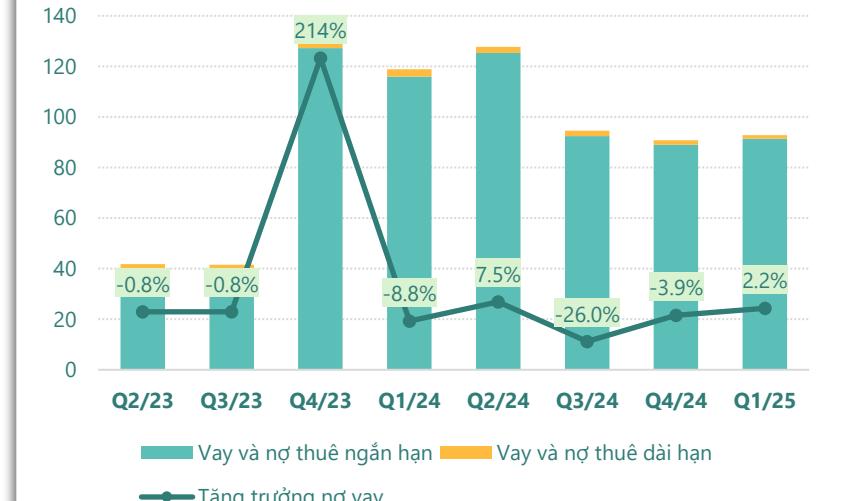
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

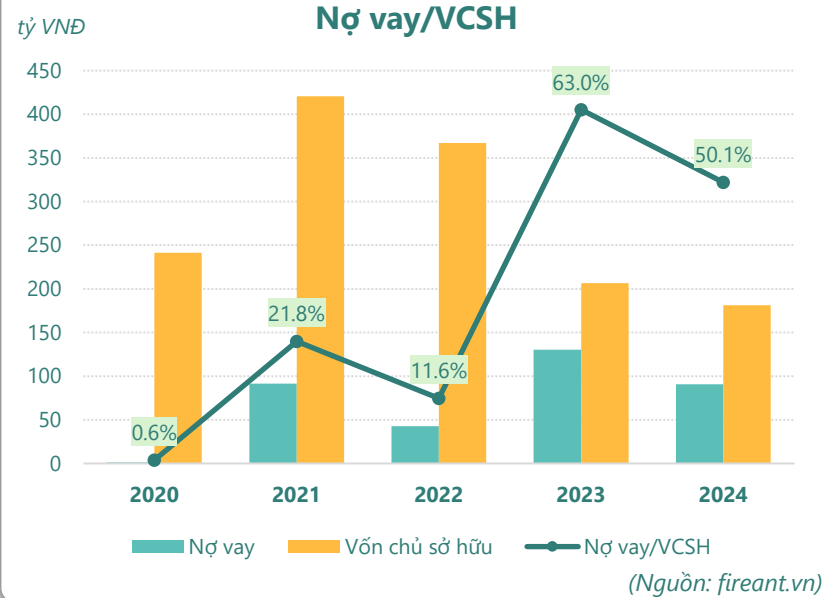
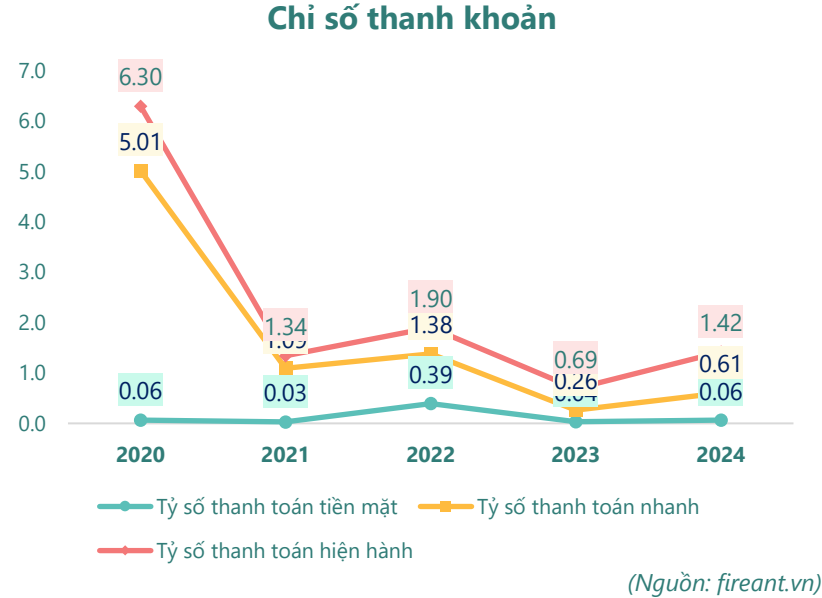
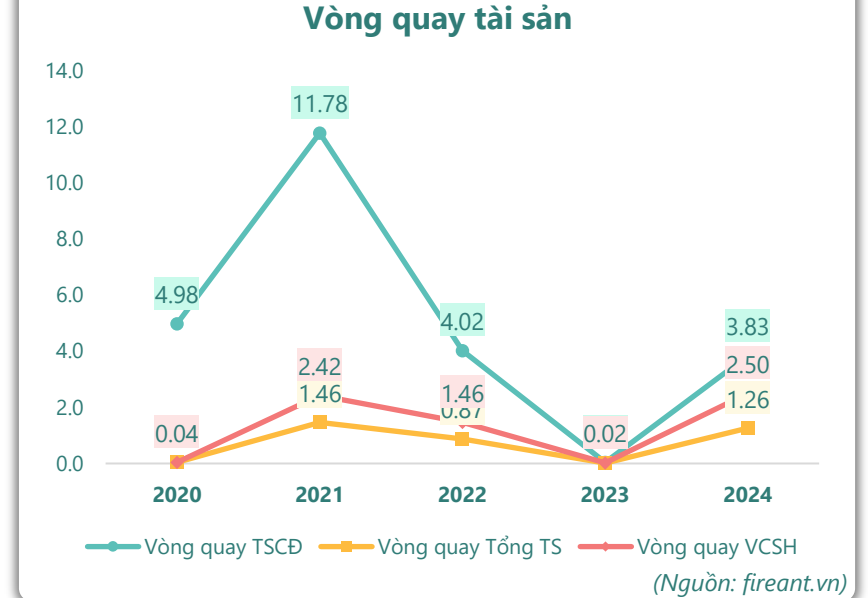
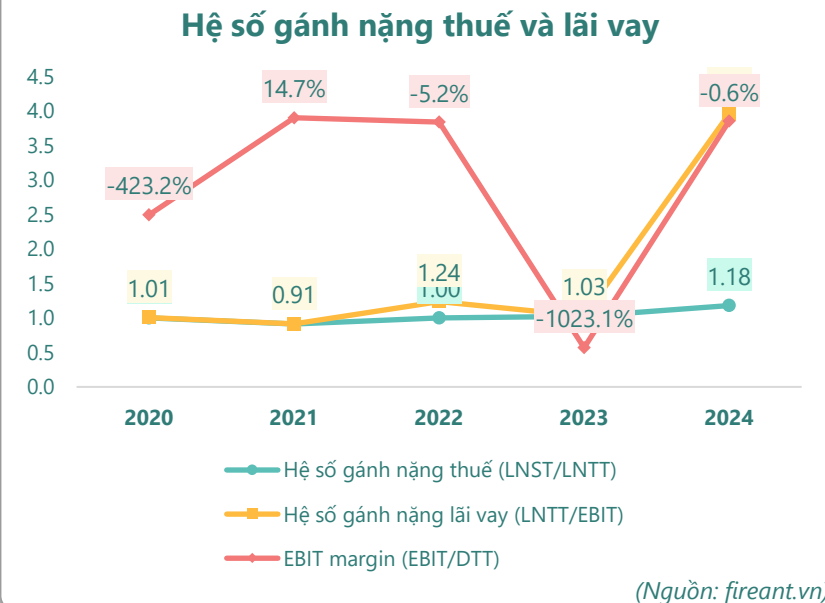
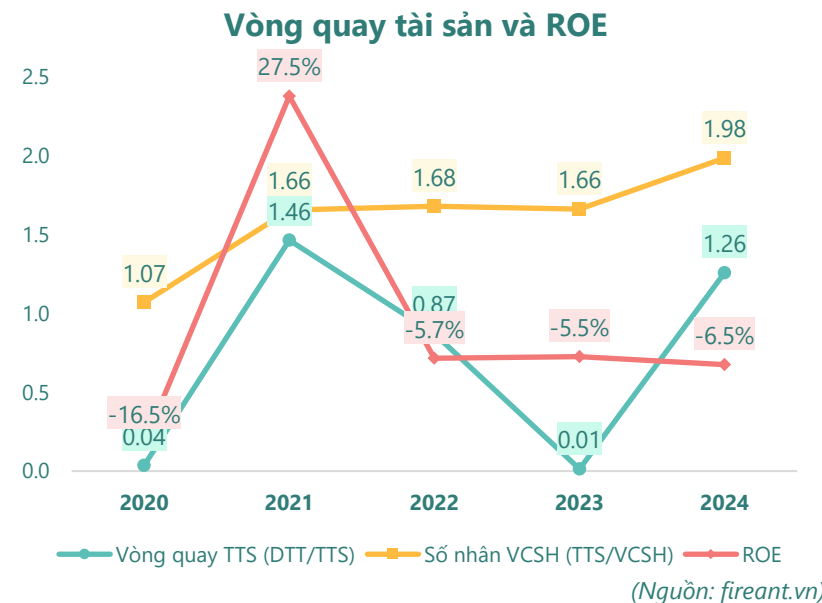
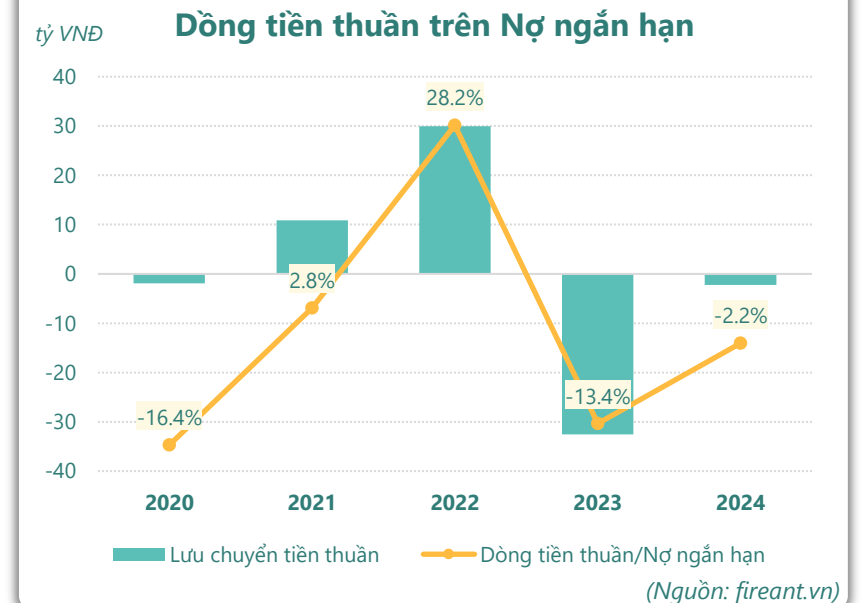
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	111	165	-32.7%	484	6.40	7456%
Giá vốn hàng bán	101	156	-35.3%	438	41.6	952%
Lợi nhuận gộp	10.1	8.82	14.8%	46.3	-35.2	232%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.01	132%	1.13	0.08	1265%
Chi phí TC	1.10	1.26	-12.6%	6.31	6.57	-4.1%
Chi phí lãi vay	0	1.26	-100%	8.80	1.88	367%
LN trong công ty LKLD	0.10	0.04	141%	0.19	0.27	-28.4%
Chi phí bán hàng	7.11	7.19	-1.2%	30.4	0.58	5132%
Chi phí QLDN	6.44	15.4	-58.2%	23.3	25.4	-8.4%
LN thuần từ HĐKD	-4.40	-15.0	70.7%	-12.3	-67.4	81.7%
Lợi nhuận khác	2.12	0.24	783%	0.55	0.01	6009%
LN trước thuế	-2.28	-14.8	84.6%	-11.8	-67.4	82.5%
Lợi nhuận sau thuế	-2.34	-15.0	84.4%	-13.9	-69.1	79.9%
LNST của CĐ cty mẹ	-2.48	-9.77	74.6%	-12.6	-15.7	19.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-24.7	-118	75.5	28.0	-4.21	-217
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-23.2	128	-87.7	-19.9	-1.42	2.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	46.5	-11.5	8.91	3.52	-3.73	216
Tiền đầu kỳ	10.1	8.63	7.54	4.25	15.8	6.42
Lưu chuyển tiền thuần	-1.46	-1.09	-3.29	11.5	-9.36	1.68
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.63	7.54	4.25	15.8	6.42	8.10

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	297	301	-1.2%
Tài sản ngắn hạn	146	144	1.2%
Tiền và tương đương tiền	8.10	6.42	26.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.2	17.2	0.0%
Phải thu ngắn hạn	36.5	31.4	16.1%
Hàng tồn kho	77.3	82.4	-6.1%
Tài sản ngắn hạn khác	6.55	6.54	0.2%
Tài sản dài hạn	151	157	-3.4%
Phải thu dài hạn	1.30	1.26	2.7%
Tài sản cố định	92.1	95.5	-3.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	28.9	28.6	1.0%
Tài sản dài hạn khác	11.9	11.7	1.8%
Lợi thế thương mại	17.0	19.5	-12.7%
Nợ phải trả	120	119	0.5%
Nợ ngắn hạn	102	102	0.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	91.4	89.0	2.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.76	5.26	9.5%
Nợ dài hạn	17.6	17.8	-0.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.40	1.75	-20.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	177	181	-2.3%
Vốn chủ sở hữu	177	181	-2.3%
Vốn điều lệ	273	273	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

